

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2020/DSST**  
Ngày: 15/8/2020  
V/v tranh chấp về tiền  
phường, họ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

*+ Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trương Đức Lâm

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2020/TLST-DS ngày 04/5/2020 về việc tranh chấp về tiền phường, họ.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1989 (vợ anh H); Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2020 kèm theo giấy tờ, tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, N đơn (ông Nguyễn Văn N) trình bày như sau:*

Quan hệ giữa vợ chồng ông và gia đình anh H, chị H là người cùng thôn. Ngày 28/4/2015 ông có đứng ra tổ chức 02 dây phường do ông là trưởng phường. Quy định của phường thì 1 năm có 04 suất phường lấy tiền phường, người tham gia chơi phường đóng tiền phường cho ông là trưởng phường, người chưa lấy phường thì đóng 5.000.000đ/1 lần, người đã lấy phường thì đóng 7.500.000đ/1 lần. Người tham gia chơi phường chỉ có thỏa thuận và giao dịch với trưởng phường là ông, ông là người chịu trách nhiệm thu tiền phường và giao tiền phường cho người đến lượt lấy phường, những người tham gia chơi phường trong dây phường không giao dịch gì với nhau ngoài trưởng phường, trưởng phường phải nộp bù tiền phường cho thành viên tham gia chơi phường không đóng phường đúng hạn cho người đến lượt lấy phường nên các thành viên khác không có liên quan gì đến việc anh H nhận và đóng tiền phường cho ông. Anh H tham gia cùng ông nhiều dây phường trong đó có 02 dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015, kết thúc ngày 20/11/2019 gồm 17 suất phường và dây phường bắt đầu chơi ngày 28/9/2015, kết thúc vào ngày 21/3/2020 gồm 19 suất phường.

Đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015 anh H là người lấy phường đầu tiên được số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền phường anh H đã đóng được 11 suất phường, sau đó không đóng tiếp tiền phường cho ông nữa nên còn nợ ông 05 suất phường = 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này ông đã phải lấy tiền cá nhân ra để đóng bù cho anh H. Dây phường này đã kết thúc ngày ngày 20/11/2019.

Đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/9/2015, anh H, chị H lấy phường thứ 02 được số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) là suất phường của trưởng phường nên không có lãi. Dây phường này sau khi lấy tiền phường thì anh H đã đóng được 10 suất phường, còn nợ ông 09 suất phường chưa đóng = 67.500.000đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền này ông cũng phải lấy tiền cá nhân ra để đóng bù cho anh H. Dây phường này đã kết thúc ngày ngày 21/03/2020.

Như vậy, sau khi anh H lấy 02 dây phường và đã đóng phường cho ông, anh H còn nợ lại tổng số tiền là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng), ông yêu cầu anh H phải trả tiền gốc phường và tiền lãi kể từ sau ngày kết thúc 02 dây phường theo quy định của pháp luật.

Việc anh H trình bày, số tiền phường 105 triệu nêu trên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã giải quyết tại Bản án số 13 ngày 05/4/2019 theo yêu cầu khởi kiện của ông là không chính xác, tại vụ án này ban đầu ông có khởi kiện anh H phải có trách nhiệm trả cho ông tiền phường của 05 dây phường mà anh H tham gia chơi cùng ông, tuy nhiên sau đó ông đã rút yêu cầu khởi kiện anh H đối với 03

dây phường do 03 dây phường này khi ông khởi kiện thì vẫn chưa kết thúc, trong đó có 02 dây phường ông khởi kiện tại vụ án này. Do đó, Tòa án chưa giải quyết 02 dây phường ông khởi kiện anh H hiện nay. Về 02 dây phường anh H đề nghị được đối trừ vào số tiền 105 triệu tiền phường gốc ông yêu cầu anh H trả trong vụ án này, ông xác định anh H đã đóng cho ông được dây phường thứ nhất là 6 đợt x 5.500.000đ= 33.000.000đ; dây phường thứ 2 anh H đóng được 4 đợt x 5.500.000đ=22.000.000đ; tổng cộng được 55 triệu đồng, nhưng cả 02 dây phường này thì sang năm 2021 mới kết thúc, hơn nữa anh H còn tham gia chơi với ông 01 dây phường và anh H đã nhận tiền phường của ông là 209.000.000đ nhưng anh H không đóng tiền phường tiếp cho ông, đến nay dây phường này cũng chưa kết thúc nên ông chưa khởi kiện. Vì vậy, ông không đồng ý đối trừ số tiền 55 triệu đồng anh H đóng phường của 02 dây phường nêu trên vào số tiền 105 triệu đồng tiền phường gốc của 02 dây phường mà ông khởi kiện anh H trong vụ án này. Về việc ông yêu cầu anh H phải thanh toán trả anh tiền lãi kể từ sau khi kết thúc 02 dây phường mà anh khởi kiện ở vụ án này là vì: ông là chủ phường không được hưởng tiền lãi của số tiền các thành viên được nhận của những người lấy phường trước đóng chênh lệch là 2.500.000đ, số tiền 2.500.000đ tiền lãi phường là của người nhận tiền phường trước đóng cho người nhận tiền phường sau, ông không được nhận số tiền này, khi anh H không đóng tiền phường cho các thành viên lấy sau, theo quy định thì ông phải bỏ tiền cá nhân của ông để đóng bù cho anh H. Do đó, anh H phải thanh toán lãi theo quy định của pháp luật cho việc ông phải đóng tiền phường thay cho anh H.

*Bị đơn (anh Quách Văn H) trình bày:* Anh xác định có tham gia chơi phường do ông N làm trưởng phường và có nhận tiền phường của 02 dây phường, cụ thể là ngày 28/4/2015 anh nhận của ông N 80.000.000đ và ngày 22/12/2015 anh nhận tiền phường của ông N là 90.000.000đ. Anh tham gia chơi phường cùng ông N thì chỉ anh và ông N thỏa thuận với nhau, không thỏa thuận với ai khác ngoài ông N nên việc đóng phường và nhận tiền phường thì anh chỉ giao dịch với ông N, không chịu trách nhiệm với ai và cũng không liên quan với ai, không biết có những ai tham gia dây phường, chỉ thỏa thuận là khi nhận tiền phường cứ 1 suất phường là 5 triệu đồng, lấy tiền phường rồi thì phải đóng phường lần sau (3 tháng 1 lần) phải đóng cho ông N 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Hai dây phường trên anh đã nhận của ông N đầy đủ số tiền 170.000.000đ. Sau khi anh nhận tiền phường của ông N thì anh đã đóng phường cho ông N nhiều lần, những lần đóng tiền phường thì anh chỉ đưa tay cho ông N, không làm giấy tờ văn bản gì, do lâu ngày nên anh không nhớ đã đóng cho ông N được bao nhiêu tiền. Nay ông N yêu cầu anh phải trả 105.000.000đ tiền phường gốc của 02 dây phường nêu trên và tiền lãi kể từ ngày kết thúc 02 dây phường theo quy định của pháp luật, anh không đồng ý, vì ngoài 02 dây phường anh đã nhận tiền phường của ông N nêu trên, anh có tham gia chơi với ông N tiếp 02 dây phường nữa (còn đã kết thúc dây 02 dây

phường này hay chưa anh không biết, ông N trình bày 02 dây phường này sang năm 2021 mới kết thúc nhưng anh đã không đóng tiền phường cho ông N 02 dây phường này kể từ khi ông N có đơn khởi kiện anh), dây thứ nhất anh đã đóng được 33.000.000đ; dây thứ 2 anh cũng đóng được 22.000.000đ như ông N trình bày nhưng ông N cũng phải cộng cho anh số tiền 2.500.000đ tiền anh được hưởng lãi của mỗi đợt anh đóng phường do anh chưa lấy phường của 02 dây phường này. Anh đề nghị Tòa án đối trừ cho anh vào số tiền anh còn nợ của ông N 105 triệu của 02 dây phường nêu trên, số tiền còn thiếu anh đồng ý trả cho ông N, còn tiền lãi anh không đồng ý vì khi nhận tiền phường anh chỉ nhận của ông N 1 suất là 5 triệu đồng, đóng lần sau phải đóng 7.500.000đ nên đã có 2.500.000đ tiền lãi rồi nên không đồng ý trả lãi tiếp. Số tiền 2.500.000đ mà anh đóng cho ông N để thanh toán cho những suất phường chưa lấy là những người chơi của những suất phường chưa lấy được hưởng, các dây phường toàn bộ anh đều lấy phường trước nên chưa được hưởng lãi của ai, trong khi đó anh phải chịu tiền phường do ông N khởi kiện là đã cộng toàn bộ số lãi anh phải đóng cho các suất phường chưa lấy. Việc anh chơi phường là chỉ một mình anh thỏa thuận chơi cùng ông N, vợ và gia đình anh đều không ai biết anh chơi cùng ông N nên vợ anh có nói là đề nghị Tòa án không triệu tập vợ anh lên nữa. Do anh chơi bởi nên dẫn đến khó khăn về kinh tế, chưa có khả năng trả cho ông N 105 triệu tiền của 02 phường mà ông N khởi kiện trong vụ án này nên anh đề nghị ông N đối trừ cho anh số tiền 55 triệu anh đã đóng cho ông N, cộng với số tiền 2.500.000 đồng tiền lãi ở 02 dây phường sau mặc dù 02 dây phường này vẫn chưa kết thúc. Ngoài ra, do anh đều lấy phường lần đầu và lần thứ 2 ở các dây phường anh tham gia chơi cùng ông N nên đều phải đóng số tiền lãi cho những lần đóng phường lần sau mỗi lần là 2.500.000đ, nay do khó khăn nên đề nghị ông N cho anh xin số tiền đóng lãi này, anh xin được trả gốc cho ông N. Anh có nhận của ông N số tiền 209 triệu đồng tiền phường của 01 dây phường và dây phường này anh lấy đầu, dây phường vẫn chưa kết thúc như ông N trình bày là đúng. Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Trần Thị H):* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị T) trình bày:* Bà nhất trí với ý kiến của ông N (chồng bà), yêu cầu anh H và chị H phải trả cho vợ chồng bà số tiền anh H nợ tiền phường của vợ chồng bà là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ngời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh H, chị H chưa chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 471, 398, 400, 401, Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; 35, 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc anh Quách Văn H và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T số tiền phường nợ gốc là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) và lãi suất chậm trả là 4.914.400đ (Bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Tổng cả gốc và lãi là 109.914.400đ (Một trăm linh chín triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Quách Văn H và chị Trần Thị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003715 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2020 của ông Nguyễn Văn N đây xác định là quan hệ tranh chấp tiền phường, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Quách Văn H và chị Trần Thị H đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. *VỀ NỘI DUNG TRANH CHẤP:*

Tại Tòa án ông Nguyễn Văn N xuất trình 02 giấy nhận tiền phường do anh Quách Văn H ký nhận ngày 28/4/2015 và ngày 22/12/2015, xác nhận là thỏa thuận về hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

[2].1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu anh H, chị H phải trả cho ông N số tiền 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) tiền anh H còn nợ tiền phường, anh H đề nghị được đối trừ số tiền 55 triệu đồng đã đóng phường cho ông N ở 02 dây phường khác thấy rằng: Tại Tòa án và tại phiên tòa cả ông N và anh H đều xác định anh H có tham gia 02 dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015 và ngày 28/9/2015, đối với dây phường ngày 28/4/2015 anh H là người lấy phường đầu tiên được số tiền là 80 triệu đồng, dây phường ngày 28/9/2015 anh H lấy phường thứ 2 vào ngày 22/12/2015 được số tiền là 90.000.000đ. Ông N xác định dây phường chơi ngày 28/4/2015 anh H còn nợ 05 suất phường= 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/9/2015, anh H còn nợ ông 09 suất phường chưa đóng= 67.500.000đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng); cả hai số tiền phường trên ông N đều phải lấy tiền cá nhân ra để đóng cho người được lấy phường sau bù cho anh H. Anh H cũng xác nhận còn nợ tiền phường của ông N ở 02 dây phường nêu trên như ông N trình bày nhưng đề nghị được đối trừ số tiền 55 triệu đồng đã đóng phường cho ông N ở 02 dây phường khác hiện nay vẫn chưa kết thúc, số tiền còn lại anh H đồng ý trả cho ông N. Như vậy, có căn cứ anh H còn nợ 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) tiền phường của ông N ở 02 dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015 và ngày 28/9/2015. Về việc, anh H đề nghị đối trừ số tiền 55 triệu đồng đã đóng phường cho ông N ở 02 dây phường khác hiện nay vẫn chưa kết thúc, Hội đồng xét xử xét thấy, ông N và anh H đều xác định anh H có đóng được 55 triệu đồng ở 02 dây phường khác do ông N làm trưởng phường nhưng cả 02 dây phường này đều chưa kết thúc, ông N không đồng ý đối trừ vào số tiền 105 triệu đồng anh H còn nợ của 02 dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015 và ngày 28/9/2015. Do thỏa thuận về dân sự giữa anh H và ông N đối với 02 dây phường mà anh H đề nghị đối trừ 55 triệu đồng vẫn chưa kết thúc, ông N không đồng ý chấm dứt thỏa thuận nên không có căn cứ để đối trừ vào số tiền phường anh H còn nợ trong vụ án này. Vì vậy, đề nghị của anh H yêu cầu được đối trừ 55 triệu đồng tiền đóng phường của anh H vào số tiền phường anh H còn nợ của ông N trong vụ án này không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Như vậy, số tiền anh H còn nợ tiền phường, họ do ông N đóng phường thay cho anh H của 02 dây phường nêu trên được xác định là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng), cần buộc anh Quách Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông N.

[2].2. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn N yêu cầu anh Quách Văn H phải thanh toán cho ông N số tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ tiền phường mà anh H

chưa thanh toán kể từ khi kết thúc 02 hội phường là ngày 20/11/2019 (đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015) và ngày 21/03/2020 (đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/9/2015) đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này giữa ông N và từng thành viên trong hội phường thỏa thuận về trách nhiệm của trưởng phường phải bù tiền cho thành viên nào không đóng phường để trả cho người được lấy phường sau. Do anh H đã lấy phường nhưng không đóng phường đầy đủ nên ông N phải đóng thay cho anh H số tiền phường mà anh H phải đóng tổng cả gốc và lãi cho các thành viên trong hội phường là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng). Kết thúc 02 hội phường nêu trên anh H vẫn không trả cho ông N được thêm số tiền nào. Mặc dù khi tham gia dây phường anh H và ông N không thỏa thuận về việc anh H phải thanh toán lãi cho trưởng phường trong trường hợp trưởng phường phải đóng thay tiền phường, nhưng sau khi kết thúc hội phường anh H vẫn không thanh toán trả cho ông N số tiền ông N đóng phường thay cho anh H nên anh H đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền phường cho ông N. Việc anh H phải đóng lãi trên số tiền phường gốc là phải đóng cho các thành viên được lấy phường sau, không phải là trả lãi cho trưởng phường. Do đó, kể từ sau khi kết thúc hội phường thì anh H phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền ông N phải đóng tiền phường thay cho anh H khi có yêu cầu là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu của ông N về việc anh H phải trả lãi cho N đối với số tiền 105.000.000đ theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Do các bên không có thỏa thuận về lãi nên theo quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, anh Quách Văn H phải thanh toán trả lãi cho ông N theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Vì vậy, yêu cầu của ông N yêu cầu anh H phải thanh toán trả tiền lãi trên số tiền nợ 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) với mức lãi suất theo quy định của pháp luật có cơ sở để chấp nhận và cần tính mức lãi suất là 9%/năm để buộc anh H phải thanh toán lãi trả cho ông N đối với số tiền anh H nợ là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

- Đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/4/2015 và đã kết thúc ngày ngày 20/11/2019 anh H còn nợ số tiền 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, anh H chậm trả từ ngày 21/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2020.

Lãi chậm trả tiền phường được xác định như sau:

+ Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 15/8/2020 là 08 tháng 25 ngày, số tiền lãi là:  $(37.500.000đ \times 09\% \times 08 \text{ tháng} : 12 = 2.250.000đ) + (37.500.000đ \times 09\% : 12 \times 25 \text{ ngày} : 30 = 234.400đ) = 2.484.400đ$  (Hai triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

- Đối với dây phường bắt đầu chơi ngày 28/9/2015, kết thúc ngày 21/03/2020 anh H còn nợ số tiền 67.500.000đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, anh H chậm trả từ ngày 22/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2020.

Lãi chậm trả tiền phường được xác định như sau:

+ Từ ngày 22/3/2020 đến ngày 15/8/2020 là 04 tháng 24 ngày, số tiền lãi là:  $(67.500.000đ \times 09\% \times 04 \text{ tháng} : 12 = 2.025.000đ) + (67.500.000đ \times 09\% : 12 \times 24 \text{ ngày} : 30 = 405.000đ) = \mathbf{2.430.000đ}$  (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi chậm trả anh H phải thanh toán trả cho ông N là:  $\mathbf{2.484.400đ + 2.430.000đ = 4.914.400đ}$  (Bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền anh H còn nợ tiền phường, họ do ông N đóng phường thay cho anh H và số tiền lãi chậm trả được xác định là:  $105.000.000đ + 4.914.000đ = 109.914.400đ$  (Một trăm linh chín triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng), cần buộc anh Quách Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông N.

[2].1. Quan hệ giữa anh Quách Văn H và chị Trần Thị H là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì anh H, chị H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tiền phường còn nợ nêu trên cho ông N là phù hợp. Do đó yêu cầu của ông Nguyễn Văn N yêu cầu anh Quách Văn H và chị Trần Thị H phải thanh toán trả tiền phường gốc còn nợ và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là 109.914.400đ (Một trăm linh chín triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng) cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được chấp nhận, vì vậy ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Quách Văn H và chị Trần Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471, 398, 400, 401, Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; 35, 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc anh Quách Văn H và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T số tiền phường nợ gốc là



105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) và lãi suất chậm trả là 4.914.400đ (Bốn triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng). Tổng cả gốc và lãi là 109.914.400đ (Một trăm linh chín triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh Quách Văn H và chị Trần Thị H phải liên đới chịu 5.495.700đ (Năm triệu bốn trăm chín mươi năm nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003715 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Lưu.*

**T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Xuân Toàn**